

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2026/HS-PT

Ngày 17 - 7 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Khởi

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Văn Yên

Ông Nguyễn Trọng Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Quan Tuấn Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 84/2026/TLPT-HS ngày 18 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo Phạm Hồng N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2026/HS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

1/- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phạm Hồng N**, sinh ngày 29/4/1985 tại Cà Mau; CCCD: 096185015451; nơi cư trú: Ấp D, xã Đ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hoàng G và bà Du Hồng Ủ; chồng: Võ Văn Đ (là bị hại trong vụ án); con: 02 người; tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/10/2025, bị cáo có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Trần Thị T**, ông **Phạm Tuấn D** và ông **Trần Hoài Đ1** là Luật sư của Công ty L thuộc Đoàn Luật sư T2; địa chỉ: Số nhà A, Tầng A khối A Chung cư R, B N, phường B, TP Hồ Chí Minh (*Các Luật sư T, D vắng mặt tại phiên tòa; Luật sư Đ1 có mặt tại phiên tòa*).

2/- Bị hại: Võ Văn Đ, sinh năm 1980 (chết)

Những người đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Ông **Võ Văn B**, sinh năm 1957; CCCD số: 096057003714 (*Có mặt*).

+ Bà **Lê Hồng T1**, sinh năm 1958; CCCD số: 096158008147 (*Có mặt*).

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã K, tỉnh Cà Mau .

+ **Anh Võ Quốc A**, sinh năm 2002; CCCD số: 096202006544 (*Vắng mặt*).

+ **Chị Võ Triều A1**, sinh năm 2003 (*Vắng mặt*).

+ **Cháu Võ Ngọc A2**, sinh năm 2011 (*Vắng mặt*).

+ **Cháu Võ Trâm A3**, sinh năm 2011 (*Vắng mặt*).

+ **Cháu Võ Huỳnh A4**, sinh năm 2009 (*Vắng mặt*).

Người đại diện hợp pháp của các cháu Ngọc A2, Trâm A3, Huỳnh A4: Ông Võ Văn B và bà Lê Hồng T1 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 9 năm 2024, ông Võ Văn Đ và vợ là Phạm Hồng N tổ chức tiệc mừng khai trương tại nhà của Đ thuê để buôn bán thuộc khóm B, phường A, tỉnh Cà Mau cùng với những người khác, tại buổi tiệc Nhị có sử dụng bia. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày thì tiệc kết thúc, mọi người ra về, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo SX, màu trắng - tím mang biển số 69C1-126.61 chở ông Đ ngồi phía sau đi về nhà của vợ chồng Đáng ở ấp D, xã Đ theo hướng từ Cà Mau về C. Trên đường về, N không làm chủ được tay lái nên điều khiển xe đi qua phần đường dành cho phương tiện đi theo chiều ngược lại rồi va chạm vào gốc cây bên trong lề đường bên trái theo hướng đi dẫn đến ngã xe làm ông Đ chấn thương, tử vong tại chỗ, còn N bị thương được người dân đưa đến Bệnh viện Đ2 cấp cứu và điều trị thương tích đến ngày 24/9/2024 thì xuất viện.

Tại Bản Kết luận giám định tử thi số: 47/KL-KTHS ngày 03/10/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh C kết luận nguyên nhân chết của Võ Văn Đ: Chấn thương sọ não nặng.

Kết luận khác: Có tìm thấy E (cồn) với hàm lượng 217.65mg/100ml trong máu của ông Võ Văn Đ.

Tại Thư phúc đáp của Bệnh viện Đ2, cung cấp kết quả nồng độ cồn trong máu của Phạm Hồng N là: 20.9 mg/100ml.

Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2026/HS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2026 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 10/2026/TB-TA ngày 22/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau quyết định: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 260; Điều 47; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Phạm Hồng N phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”. Xử phạt bị cáo Phạm Hồng N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

* Ngày 21/04/2026 bị cáo Phạm Hồng N có đơn kháng cáo xin giảm án và được hưởng án treo với lý do: Bị hại cũng chính là chồng của bị cáo. Nay chồng chết là nỗi đau rất lớn đối với bị cáo và gia đình; hoàn cảnh hiện nay của bị cáo vô cùng khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình hiện còn 02 con đang đi học; đã khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại và gia đình bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo; Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo luôn ăn năn hối cải, thật thà khai báo, lần đầu phạm tội.

* Ngày 21/04/2026 người đại diện hợp pháp cho bị hại là ông Võ Văn B và bà Lê Hồng T1 kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo để nuôi con. Tuy nhiên, trước khi xét xử phúc thẩm ông Võ Văn B và bà Lê Hồng T1 có đơn đề ngày 23/6/2026 rút lại yêu cầu kháng cáo, được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số: 01/2026/HSPT-QĐ ngày 24/6/2026 nên không đặt ra xem xét tại phiên tòa phúc thẩm này.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm số 43/2026/HS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau theo hướng: Áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự, giữ nguyên hình phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

- Luật sư Đ1 bào chữa cho bị cáo: Hình phạt của cấp sơ thẩm là quá nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cụ thể: Bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi 02 con đang đi học và chăm sóc cha mẹ già, được UBND xã xác nhận; bị cáo đã khắc phục cho gia đình bị hại và sẽ tiếp tục khắc phục phần còn lại; Hội liên hiệp phụ nữ xã Đ có văn bản xin giảm nhẹ cho bị cáo; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện áp dụng án treo. Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo để có cơ hội làm lại cuộc đời, nuôi con và chăm sóc cha mẹ già.

- Bị cáo Phạm Hồng N: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Hồng N giữ nguyên nội dung kháng cáo, xin được giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo. Bị cáo trình bày bản thân rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội; người bị hại là chồng của bị cáo nên việc chồng tử vong là mất mát, đau thương rất lớn đối với bị cáo và gia đình; bị cáo là

lao động chính trong gia đình, hiện còn phải trực tiếp nuôi dưỡng 02 con; gia đình bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và bãi nại cho bị cáo. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo.

[2] Bị cáo Phạm Hồng N đã thừa nhận chính bị cáo là người trực tiếp điều khiển xe mô tô mang biển số kiểm soát 69C1-126.61 chở ông Võ Văn Đ gây ra tai nạn giao thông làm cho ông Võ Văn Đ bị tử vong tại chỗ. Xét lời khai nhận của bị cáo Phạm Hồng N phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, kết luận giám định pháp y tử thi, kết quả xác định nồng độ cồn, lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Từ đó, có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 19 giờ ngày 12/9/2024, sau khi tham dự tiệc khai trương và có sử dụng bia, bị cáo Phạm Hồng N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 69C1-126.61 chở chồng là ông Võ Văn Đ lưu thông trên tuyến đường từ thành phố C về hướng C. Trong quá trình điều khiển phương tiện, do không làm chủ được tay lái, bị cáo đã điều khiển xe đi sang phần đường bên trái theo hướng lưu thông của mình, va chạm vào gốc cây trong lề đường làm xe ngã, hậu quả khiến ông Võ Văn Đ bị chấn thương sọ não nặng và tử vong tại chỗ.

Kết quả xác định nồng độ cồn trong máu của bị cáo là 20,9 mg/100 ml máu. Như vậy, tại thời điểm điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, trong máu của bị cáo có nồng độ cồn. Theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và Luật Giao thông đường bộ (*có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi*), người điều khiển xe mô tô tham gia giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn là hành vi bị nghiêm cấm. Bị cáo Phạm Hồng N nhận thức được việc sau khi sử dụng rượu, bia thì không được điều khiển phương tiện giao thông, nhưng với ý thức chủ quan và coi thường pháp luật, bị cáo Phạm Hồng N vẫn điều khiển xe tham gia giao thông, dẫn đến hậu quả xảy ra làm cho ông Võ Văn Đ bị tử vong tại chỗ, đây là hậu quả rất nghiêm trọng không thể khắc phục hoặc bù đắp được.

[3] Với hành vi và hậu quả trên, bản án hình sự sơ thẩm 43/2026/HS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau tuyên bố bị cáo Phạm Hồng N phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả bị cáo đã gây ra.

[4] Xét đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Hồng N xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tính mạng con người là vô giá, không gì bù đắp được, thuộc khách thể đặc biệt luôn được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo Phạm Hồng N không chỉ xâm phạm đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ, mà còn gây ra sự đau thương mất mát lớn lao cho gia đình bị hại Võ Văn Đ.

Mặc dù trong đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng việc chồng là ông Võ Văn Đ tử vong trong vụ tai nạn đã gây cho bị cáo nỗi đau,

sự mất mát rất lớn và bản thân bị cáo cũng là người phải gánh chịu hậu quả tinh thần nặng nề từ sự việc do mình gây ra. Hội đồng xét xử ghi nhận và chia sẻ với mất mát đó của bị cáo. Tuy nhiên, xét một cách toàn diện thì nỗi đau này không chỉ dừng lại ở bản thân bị cáo mà còn để lại sự mất mát không gì bù đắp được đối với cha, mẹ ruột của bị hại là ông Võ Hồng B1, bà Lê Hồng T1 và 05 người con riêng của bị hại, trong đó có 03 người vẫn chưa thành niên, rất cần sự quan tâm, chăm sóc và bù đắp cả về vật chất lẫn tinh thần sau khi cha của các cháu đã qua đời. Điều đáng nói là sau khi sự việc xảy ra, thay vì thể hiện sự sẻ chia, trách nhiệm và thiện chí khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại, thì bị cáo lại có cách ứng xử thiếu sự quan tâm, không cùng gia đình bị hại chăm lo, nuôi dưỡng các con riêng của ông Võ Văn Đ để mặc cho ông Võ Hồng B1 và bà Lê Hồng T1 là người trực tiếp gánh vác việc nuôi dưỡng các cháu. Đồng thời, đến nay bị cáo vẫn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bồi thường theo thỏa thuận đã thống nhất. Chính thái độ thờ ơ, thiếu trách nhiệm và thiếu thiện chí của bị cáo đã khiến sự bức xúc, tổn thương của gia đình bị hại ngày càng gia tăng, làm mâu thuẫn giữa các bên thêm sâu sắc. Đây là cách hành xử không phù hợp với chuẩn mực đạo đức, chưa thể hiện sự ăn năn, hối cải và ý thức trách nhiệm của bị cáo đã gây ra hậu quả rất nghiêm trọng này, vì vậy cần phải bị phê phán, lên án khi xem xét toàn diện vụ án cũng như đánh giá thái độ của bị cáo sau khi phạm tội.

[5] Xét về chế tài hình phạt mà bị cáo Phạm Hồng N phải bị xử phạt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự có quy định mức hình phạt từ 03 năm tù đến 10 năm tù. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi vụ án xảy ra đã có khắc phục một phần hậu quả; được đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; bị hại cũng chính là chồng của bị cáo. Nên khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng. Điều đặc biệt hơn, bản án sơ thẩm còn áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án 01 năm 06 tháng tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định. Qua đó cho thấy khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã cân nhắc đánh giá toàn diện vụ án và đã áp dụng chính sách pháp luật khoan hồng rất lớn cho bị cáo, điều này đã thể hiện được sự nhân đạo, khoan hồng đặc biệt của pháp luật.

[6] Xét tình hình vi phạm giao thông hiện nay, tình trạng người điều khiển phương tiện giao thông sau khi sử dụng rượu, bia vẫn diễn ra phổ biến, đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng và thương tâm, gây thiệt hại lớn về tính mạng, sức khỏe và tài sản của người dân. Hành vi này đang được Nhà nước có chủ trương tăng cường, kiểm tra và xử lý nghiêm nhằm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. Vì vậy, hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo Phạm Hồng N cũng xuất phát từ nguyên nhân bị cáo tham gia điều khiển phương tiện giao thông khi trong người có sử dụng rượu, bia với nồng độ còn trong

máu là 20,9 mg/100 ml máu đã vượt mức cho phép và hậu quả bị cáo đã gây ra làm chết 01 người. Đây là hậu quả rất nghiêm trọng nên việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống sinh hoạt bình thường của xã hội một thời gian nhất định như bản án sơ thẩm đã tuyên là hết sức cần thiết; Có như thế mới đủ sức dể răn đe, giáo dục, phòng ngừa loại tội phạm này trong thời gian tới có hiệu quả hơn.

[7] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Phạm Hồng N không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự để làm căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt hoặc tình tiết làm căn cứ để sửa bản án sơ thẩm theo Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Những tình tiết mà bị cáo Phạm Hồng N trình bày trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa như hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính nuôi hai con nhỏ, bị hại là chồng của bị cáo, gia đình bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ khi quyết định hình phạt.

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Hồng N cũng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau về việc sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo Phạm Hồng N được hưởng án treo.

[8] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Phạm Hồng N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Hồng N; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2026/HS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

1/- Tuyên bố: Bị cáo Phạm Hồng N phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

2/- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; Điều 47; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Hồng N **01 (một) năm 06 (sáu) tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3/- Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của U; Buộc bị cáo Phạm Hồng N phải chịu 200.000 đồng.

4/- Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- TAND Khu vực 3 - Cà Mau;
- VKSND Khu vực 3 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Cà Mau;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Quốc Khởi